



TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ BẮC GIANG

TÌNH HÌNH KINH TẾ-XÃ HỘI

6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024



0204.3823.995



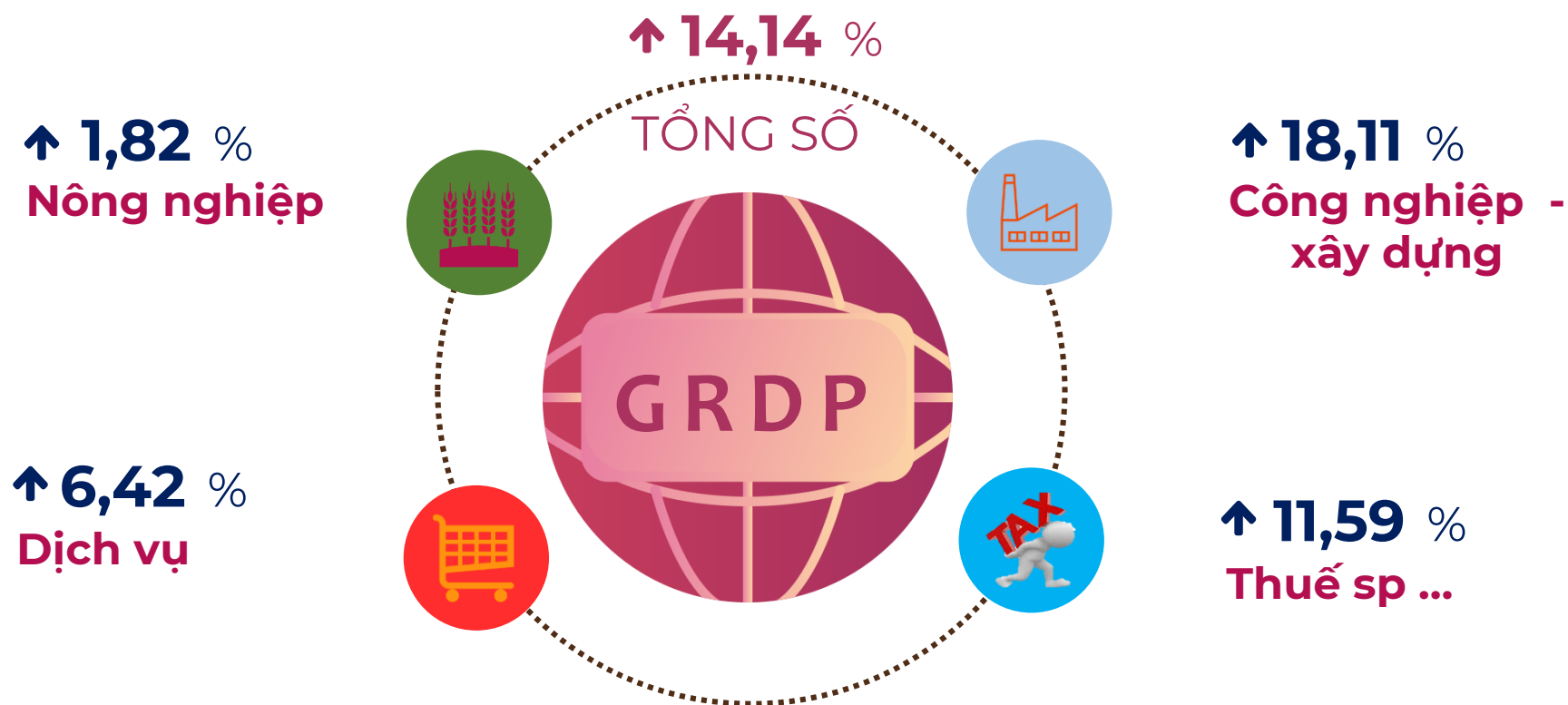
Website: thongkebacgiang.gso.gov.vn

Bắc Giang, tháng 6 năm 2024



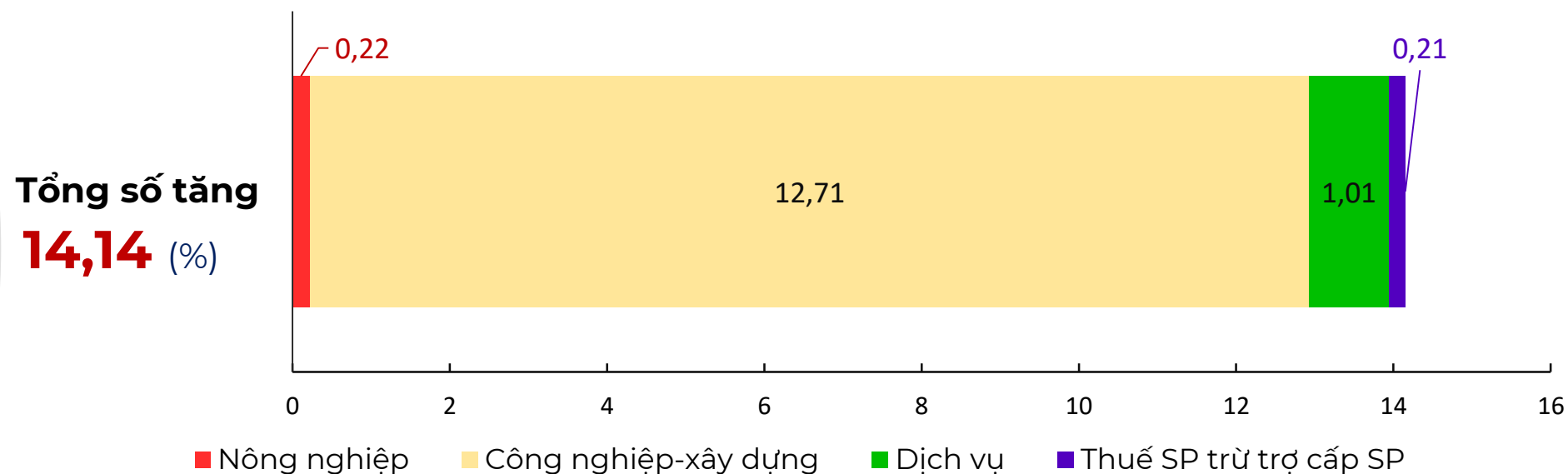
SỐ LIỆU KINH TẾ - XÃ HỘI 6 THÁNG NĂM 2024

TỐC ĐỘ TĂNG GRDP 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024 (giá so sánh 2010)





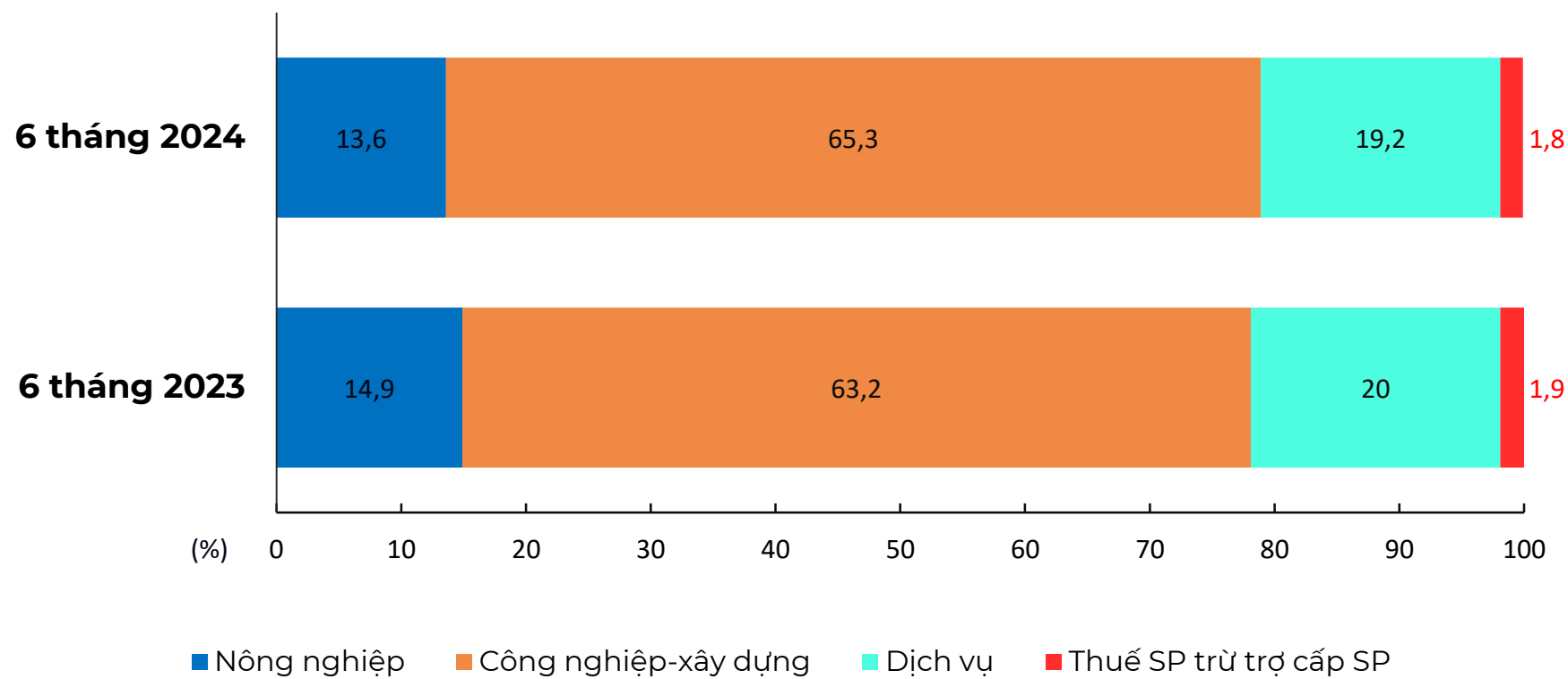
ĐÓNG GÓP CÁC KHU VỰC KINH TẾ VÀO TĂNG TRƯỞNG CHUNG (%)





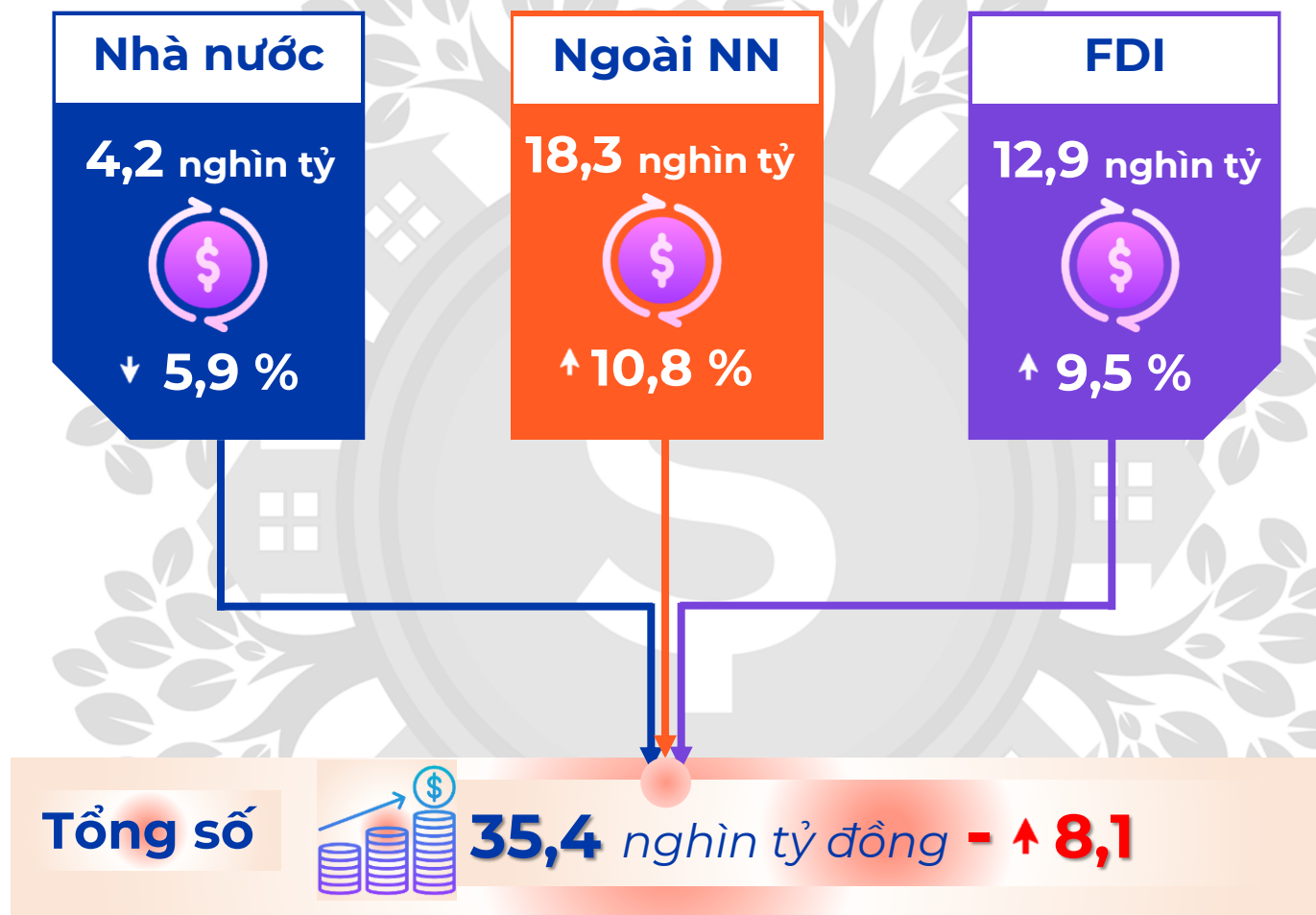
SỐ LIỆU KINH TẾ - XÃ HỘI 6 THÁNG NĂM 2024

CƠ CẤU KINH TẾ (%)





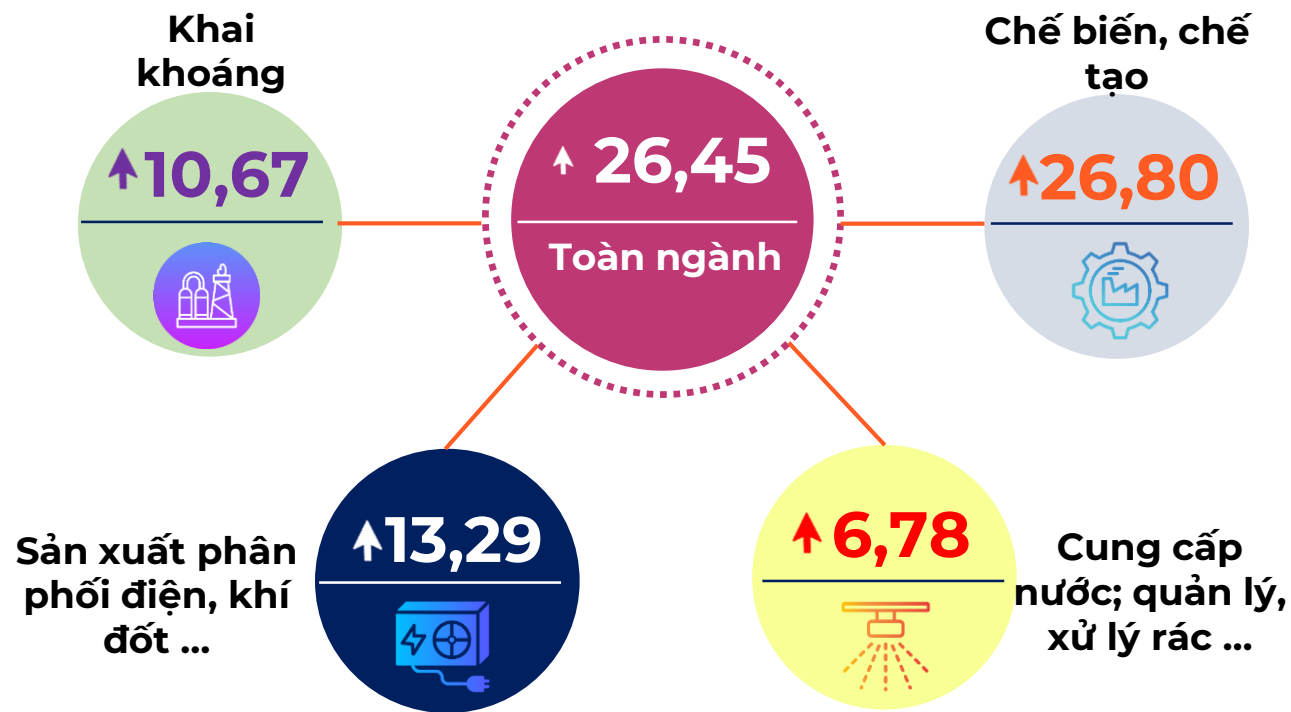
VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN 6 THÁNG NĂM 2024





TÌNH HÌNH SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) bình quân 6 tháng năm 2024 so với cùng kỳ





SỐ LIỆU KINH TẾ - XÃ HỘI 6 THÁNG NĂM 2024

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

Một số sản phẩm chủ yếu 6 tháng năm 2024 so với cùng kỳ



110,9 triệu cái **↑20,7%**
Bộ com-lê, quần áo ...



165,9 nghìn tấn **↓11,8%**
U rê



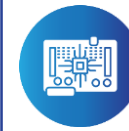
41,2 triệu cái **↑47,4%**
Tai nghe nối micro



3,1 triệu cái **↑86,8%**
Đồng hồ (6-10 triệu)



46,2 nghìn tấn **↑37,8%**
Thức ăn chăn nuôi



208,3 triệu cái **↑21,4%**
Mạch điện tử tích hợp



102 triệu cái **↑21,4%**
Thiết bị ngoại vi



3041 triệu KWh **↑15,1%**
Điện thương phẩm



CÂY HÀNG NĂM (Vụ đông xuân)

Tổng diện tích gieo trồng ước đạt 87,4 nghìn ha, giảm 1,1% so với năm 2023

Lúa



DT: **46,3** nghìn ha ▼ 1,2%
SL: **280,6** nghìn tấn ▼ 0,1%

Ngô



DT: **7,8** nghìn ha ▲ 0,6%
SL: **33,2** nghìn tấn ▲ 1,9%

Lạc



DT: **6,1** nghìn ha ▼ 3,9%
SL: **16,3** nghìn tấn ▼ 3,7%

Rau các
loại



DT: **16,4** nghìn ha ▼ 2,3%
SL: **300,9** nghìn tấn ▲ 2,4%

Rau các loại không bao gồm khoai tây





SỐ LIỆU KINH TẾ - XÃ HỘI 6 THÁNG NĂM 2024

CHĂN NUÔI 6 THÁNG NĂM 2024



Trâu

Đầu con: 29,6 nghìn con ▼ 3,6%
Sản Lượng: 0,8 nghìn tấn ▼ 3,0%



Bò

Đầu con: 107,5 nghìn con ▼ 1,8%
Sản lượng: 2,6 nghìn tấn ▼ 1,8%



Lợn

Đầu con: 876,8 nghìn con ▼ 0,5%
Sản Lượng: 87,5 nghìn tấn ▼ 1,0%



Gà

Đầu con: 16,8 triệu con ▲ 3,2%
Sản lượng: 48,4 nghìn tấn ▲ 6,7%





LÂM NGHIỆP

Tình hình sản xuất 6 tháng năm 2024 so với cùng kỳ

5525
ha



↑1,3%

Trồng rừng

2,3
triệu cây



↑ 2,0%

Trồng cây
phân tán

441,9
nghìn m³



↑ 4,3%

Gỗ

38,7
nghìn Ste



↑2,2%

Củi



THỦY SẢN

Sản lượng thủy sản 6 tháng năm 2024 so với cùng kỳ

↑ 3,4%

25,7 nghìn tấn



Nuôi trồng

↑ 3,0%

27,2 nghìn tấn



Sản lượng
thủy sản

↓ 2,5%

1,5 nghìn tấn



Khai thác

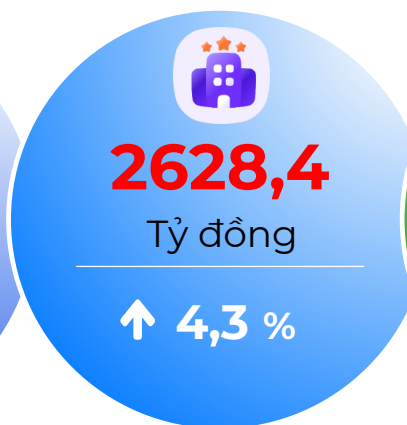


THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ

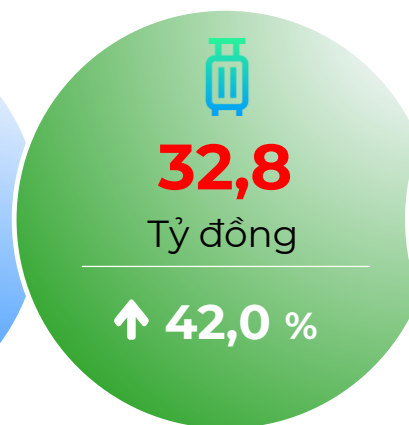
Tổng mức Bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 6 tháng năm 2024 đạt 32,6 nghìn tỷ đồng, tăng 16,4%



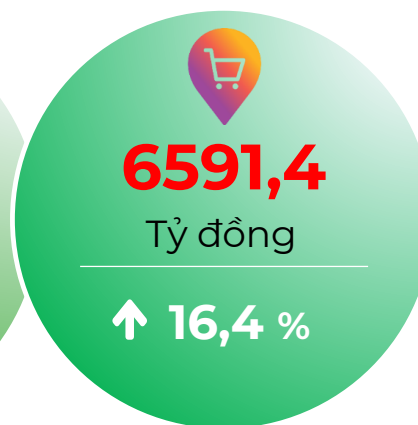
**Bán lẻ
hàng hoá**



**Lưu trú ăn
uống**



**Du lịch lữ
hành**

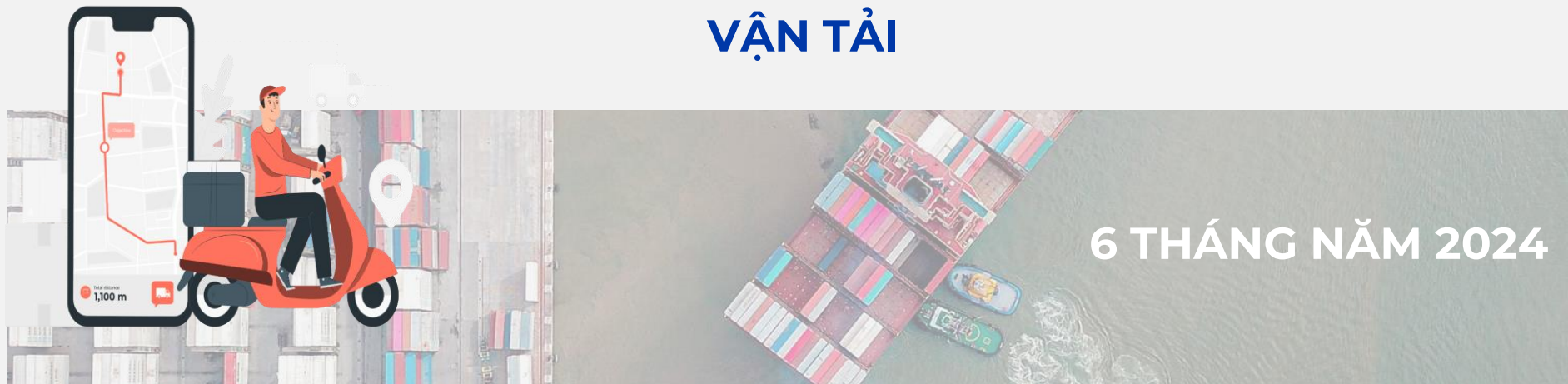


**Dịch vụ
khác**



SỐ LIỆU KINH TẾ - XÃ HỘI 6 THÁNG NĂM 2024

VẬN TẢI



6 THÁNG NĂM 2024

Vận tải hàng hóa

**6
tháng
2024**

- Vận chuyển: 46,5 Triệu tấn – ↑ 13,7 %
- Luân chuyển: 1.229,1 Triệu tấn.km – ↑ 17,8%

- Vận chuyển: 28,3 Triệu HK – ↑ 14,6%
- Luân chuyển: 1.134,6 Triệu HK.km – ↑ 16,1%

**6
tháng
2024**

Vận tải hành khách





SỐ LIỆU KINH TẾ - XÃ HỘI 6 THÁNG NĂM 2024

Chỉ số giá tiêu dùng CPI (%)





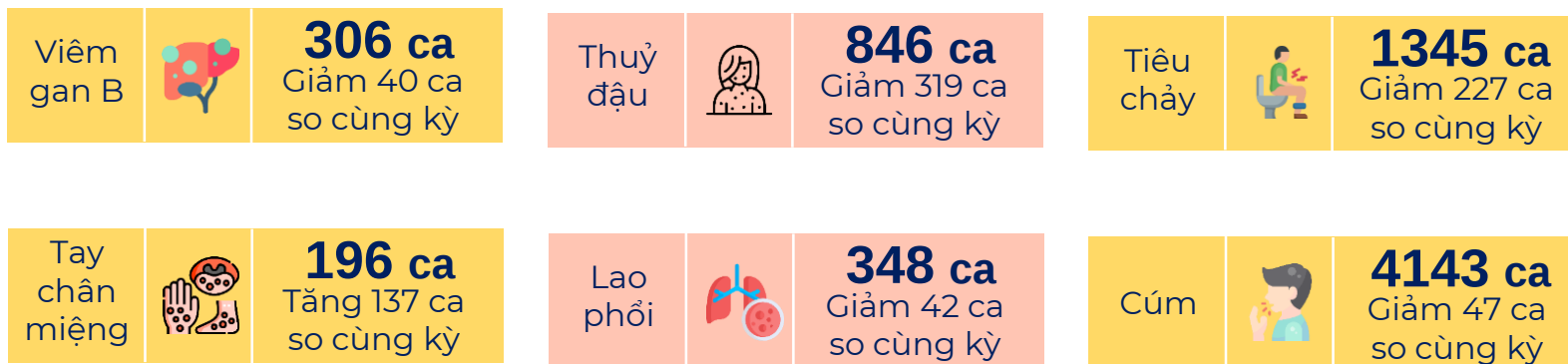
SỐ LIỆU KINH TẾ - XÃ HỘI 6 THÁNG NĂM 2024

Y tế

Kết quả khám chữa bệnh 6 tháng năm 2024



Số ca mắc bệnh dịch 6 tháng năm 2024 so với cùng kỳ





SỐ LIỆU KINH TẾ - XÃ HỘI 6 THÁNG NĂM 2024

Trật tự, an toàn xã hội 6 tháng đầu năm 2024

168 vụ

Giảm 8,2% so
với cùng kỳ



Tai nạn giao
thông

98 người chết, giảm 6,7% so cùng kỳ
98 người bị thương, giảm 9,6% so cùng kỳ

7 vụ



Cháy, nổ

Tăng 6 vụ - tăng 40% so cùng kỳ
Tổng giá trị thiệt hại 38 triệu đồng